

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:122/2018/ HNGĐ-ST

Ngày 23/11/2018

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ánh Bình

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Hải Trung
2. Ông Nguyễn Văn Tiếp

-Thư ký phiên tòa: bà Trần Mỹ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 369/ 2018/ TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/ 2018/ QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Dương Văn Q, sinh năm 1964

Địa chỉ: 122/7, ấp Phú Hưng, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: bà Lữ Thị D, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 122/7, ấp Phú Hưng, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dương Văn Quang trình bày:

Ông và bà D thông qua mai mối, hai bên tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1989, có tổ chức đám cưới, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ ông tại ấp Phú Hưng, xã Hòa Phú. Sống hạnh phúc và sinh được ba người con. Không nhớ thời gian đến khi cha ông bị bệnh thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà D ứng xử và đối xử với cha ông không tốt, tiền bạc vợ chồng làm ra nhưng bà D quản lý và cho rằng tiền riêng của mình không cho ông chi tiêu những công việc chính đáng của gia đình, bất đồng trong việc nuôi dạy con chung, tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cự cãi gây gổ làm mất hạnh phúc gia đình. Cách nay khoảng ba năm bà D bỏ nhà đi lên Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê thỉnh thoảng mới về, ông và bà D không còn chung sống khoảng ba năm nay, không có khả năng đoàn tụ, vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Con chung có ba người gồm: Dương Phương A, sinh năm 1990, Dương Phương Trâm A, sinh năm 1993 cả hai đã lập gia đình, Dương Thế A, sinh năm 1999 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết

Nợ chung: không có.

-Tại biên bản hòa giải ngày 26/10/2018 bị đơn bà Lữ Thị Dứt trình bày:

Bà và ông Q trên cơ sở mai mối, hai bên tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1989, có tổ chức đám cưới, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng tại ấp Phú Hưng, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Sống hạnh phúc được khoảng 25 năm và sinh được 03 người con. Đến năm 2015 ông Q có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, ông Q lạnh nhạt với bà, bà nấu cơm ông Q không ăn, công việc làm ăn ông Q không phụ giúp bỏ mặc cho bà lo liệu. Đến tháng 4/2016 bà đi lên Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê để kiếm tiền trả nợ, bà và ông Q không còn sống chung khoảng hơn hai năm nay, nhưng thỉnh thoảng bà cũng về nhà mỗi khi có việc cần. Bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Q, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà phải đi làm kiếm tiền tích lũy thêm một thời gian nữa mới trở về quê sinh sống.

Con chung có ba người gồm: Dương Phương A, sinh năm 1990, Dương Phương Trâm A, sinh năm 1993 cả hai đã lập gia đình, Dương Thế A, sinh năm 1999 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết

Nợ chung: không có.

Tại phiên tòa: nguyên đơn không cung cấp chứng cứ gì mới và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Bị đơn bà Lữ Thị D có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Ông Dương Văn Q khởi kiện xin ly hôn bà Lữ Thị D, nơi cư trú: ấp Phú Hưng, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Ông Dương Văn Q và bà Lữ Thị D tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân năm 1989, đến năm 2002 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/12/2002, hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Q, xét thấy:

Sau khi cưới ông Q và bà D chung sống hạnh phúc và sinh được ba người con, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cự cãi, chung sống không còn hạnh phúc nên bà Dứt lên Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, không còn chung sống với ông Quang từ tháng 4 năm 2016 cho đến nay. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Bà D bỏ mặc ông Q đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2016 đến nay và bà Dứt cho rằng đi làm kiếm tiền tích lũy thêm một thời gian nữa sẽ trở về quê sinh sống, nhưng ông Q không đồng ý và ông Q trình bày từ khi bà D ra đi đến nay hai bên không bàn bạc để đoàn tụ mà mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Q và bà D là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Q. Cho ông Q được ly hôn bà D.

-Về con chung: có ba người con gồm Dương Phương A, sinh năm 1990, Dương Phương Trâm A, sinh năm 1993 và Dương Thế A, sinh năm 1999, các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

-Tài sản chung: ông Q và bà D không yêu cầu giải quyết

-Nợ chung: ông Quang và bà Dứt khai không có

[3]Về án phí: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Q. Cho ông Q được ly hôn bà Lữ Thị Dứt.

Về con chung: có 03 người con gồm Dương Phương A, sinh năm 1990, Dương Phương Trâm A, sinh năm 1993 và Dương Thê A, sinh năm 1999, các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Tài sản chung: ông Q và bà D không yêu cầu giải quyết

Nợ chung: ông Q và bà D khai không có

2. Về án phí: buộc ông Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Q đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001772 ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Ông Q đã nộp xong án phí.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDT Vĩnh Long;
- VKSND cùng cấp;
- CC THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ánh Bình